

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS - ST
Ngày: 12 - 3 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.
- Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:
Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1;

Địa chỉ: E ố"phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Lầu E, số C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản uỷ quyền ngày 29 tháng 9 năm 2020).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Tôn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2.2. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1976 (chết năm 2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C gồm: Bà Tôn Thị T, sinh năm 1978; chị Lê Mộng H, sinh năm 1997; chị Lê Tôn Tường V, sinh năm 2003 và cháu Lê Thanh Q, sinh ngày 08/12/2009.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q: Bà Tôn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo pháp luật của cháu Q (là mẹ của cháu Q).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cấn Xuân P, sinh năm 1970 và bà Lưu Thị Y, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà Y: Ông Cấn Xuân P, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo uỷ quyền của bà Y (văn bản uỷ quyền ngày 12 tháng 5 năm 2020).

3.2. Ông Phan Trọng C1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số G đường B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày:*

1. Ngân hàng TMCP T1 cùng ông Lê Thanh C và bà Tôn Thị Thanh K1 hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 754/2018/HDTD/DNI/01 ký ngày 02/08/2018, thỏa thuận vay vốn với nội dung sau: số tiền vay 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng); mục đích vay thanh toán tiền mua xe; thời hạn 60 g"tháng kể từ ngày 02/08/2018 đến ngày 02/08/2023; lãi suất cho vay 9.4%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình vay ông C và bà T đã thanh toán được tổng số tiền là 47.240.419đ (bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười chín đồng). Trong đó, tiền gốc là 31.667.686đ (ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), tiền lãi là 15.572.733đ (mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng). Từ ngày 12/02/2019 ông C và bà T không thanh toán đúng hạn số tiền vay theo hợp đồng nên dẫn đến khoản vay bị quá hạn.

Tính đến ngày 12/3/2025 ông C và bà T còn nợ theo hợp đồng là 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tiền gốc là 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng; số khung: RLE1KR77HJV100384; số máy: 335111; biển số: 60C-430.64.

3. Khi các khoản nợ quá hạn thanh toán, Ngân hàng TMCP T1 đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc, yêu cầu ông C và bà T trả nợ theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, đến nay ông C và bà T vẫn chưa thanh toán nợ và các khoản nợ quá hạn. Với những nội dung và lý do đã trình bày nêu trên, Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

Bà Tôn Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Thanh C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T1 với số tiền tổng cộng là 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tiền gốc: 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Tôn Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Thanh C phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

Trong trường hợp bà Tôn Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Thanh C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP T1 có quyền được yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền, kê biên, phát mại các tài sản là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng; số khung: RLE1KR77HJV100384; số máy: 335111; biển số: 60C-430.64 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T1.

** Bị đơn bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai:*

**Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cấn Xuân P trình bày:*

Vợ chồng ông P và bà Y cho ông Phan Trọng C1 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ông C1 có để lại cho vợ chồng ông 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU, biển số 60C-430.64 đứng tên ông Lê Thanh C để làm tin khi vay tiền. Vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông C1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền lãi suất. Khi ông C1 trả đủ cho vợ chồng ông số tiền nợ trên thì vợ chồng ông sẽ trả lại cho ông C1 chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, biển số 60C-430.64.

**Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trọng C1 trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu của ông P và bà Y vì ông không vay tiền của vợ chồng ông P và bà Y. Ngày 23/4/2019 ông Lê Thanh C là chỗ quen biết với ông có nhờ ông đưa đến nhà ông P và bà Y ở huyện L, tỉnh Lâm Đồng để thế chấp chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, biển số 60C-430.64 mang tên Lê Thanh C để vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Khi đến nhà ông P và bà Y thì bà Y nói rằng bà không biết ông C là ai, bà chỉ biết ông (C1) nên bà yêu cầu ông (C1) là người ký giấy mượn tiền và thế chấp xe thì bà Y mới cho ông C vay do đó ông (C1) đã ký giấy nhận nợ và thế chấp xe trên cho bà Y. Bà Y trực tiếp đưa số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho ông C nhận, ông yêu cầu ông P và bà Y tìm ông C để đòi nợ chứ ông không liên quan gì.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: "điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 buộc bà Tôn Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Thanh C phải thanh toán Ngân hàng TMCP T1 số tiền 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tiền gốc là 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi

hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng) và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng; số khung: RLE1KR77HJV100384; số máy: 335111; biển số: 60C-430.64.

Về án phí: Bà Tôn Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Lê Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K đã có đơn xin xét xử vắng; bị đơn bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cấn Xuân P và ông Phan Trọng C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách đương sự.

2.1. Ngày 23/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 397/2019/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn ông Cấn Xuân P và bà Lưu Thị Y với bị đơn ông Phan Trọng C1. Ngày 08/10/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng T1 có đơn yêu cầu độc lập với nội dung yêu cầu ông Lê Thanh C và bà Tôn Thị T phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng. Ngày 02/12/2020 nguyên đơn ông Cấn Xuân P có đơn xin rút đơn khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Trọng C1.

Ngày 25/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã ra Quyết định số 18/2021/QĐST-DS đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cấn Xuân P và bà Lưu Thị Y đối với bị đơn ông Phan Trọng C1. Ngày 25/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã ra Thông báo số 01/2021/QĐST-DS thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án và ban hành Quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 10/3/2021 chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền.

2.2. Quá trình giải quyết vụ án vào năm 2021 bị đơn ông Lê Thanh C chết. Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập tại hồ sơ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông C hiện nay có bà Tôn Thị T là vợ ông C; chị Lê Mộng H, chị Lê Tôn Tường V và cháu Lê Thanh Q là con của ông C. Do đó, Tòa án đưa bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H, chị Lê Tôn Tường V và cháu Lê Thanh Q là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C thanh toán số tiền nợ và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định đây vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

4.1. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng TMCP T1 đã cung cấp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 754/2018/HDTD/DNI/01 ký ngày 02/08/2018 do Ngân hàng TMCP T1 cung cấp thể hiện: Ông Lê Thanh C và bà Tôn Thị T có số tiền vay 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng); mục đích vay thanh toán tiền mua xe; thời hạn 60 tháng kể từ ngày 02/08/2018 đến ngày 02/08/2023; lãi suất cho vay 9.4%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng; số khung: RLE1KR77HJV100384; số máy: 335111; biển số: 60C-430.64.

4.3. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản bảo đảm đã được công

nhận quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, sau khi thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên việc thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà T đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP T1 được số tiền 47.240.419đ (bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười chín đồng). Trong đó, tiền gốc là 31.667.686đ (ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), tiền lãi là 15.572.733đ (mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng). Do ông C và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 12/02/2019 nên khoản vay của ông C và bà T đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/3/2025 ông C và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tiền gốc là 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

4.4. Do ông C và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đúng quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Việc xác định nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP T1 phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4.5. Về trách nhiệm trả nợ của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Lê Thanh C: Ông C chết nên quyền, nghĩa vụ về tài sản của ông C được thừa kế. Vì vậy, người thừa kế của ông C gồm bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên theo quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với cháu Lê Thanh Q là chưa đủ mười tám tuổi nên việc thực hiện nghĩa vụ do bà Tôn Thị T là người đại diện hợp pháp thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.6. Từ những căn cứ đã phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử áp dụng"chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 với bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Thanh C về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tiền gốc là 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi tính từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V không thanh toán đủ số tiền theo yêu cầu thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng, số khung: RLEIKR77HJV100384, số máy: 335111; biển số: 60C-430.64.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP T1 được chấp nhận nên bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.354.666đ (ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 6 Điều 69; khoản 1 Điều 74; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 Luật Các chức tín dụng năm 2024;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 với bà Tôn Thị T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Thanh C về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 758.866.660đ (bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó, số tiền gốc là 348.332.314đ (ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 95.921.378đ (chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 314.612.968đ (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

1.2. Kể từ ngày 13/3/2025 bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V tiếp tục thanh toán tiền lãi theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.3. Trường hợp bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V không thanh toán đủ số tiền theo yêu cầu thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4; màu trắng, số khung: RLEIKR77HJV100384, số máy: 335111; biển số: 60C-430.64.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bà Tôn Thị T, chị Lê Mộng H và chị Lê Tôn Tường V phải chịu số tiền 34.354.666đ (ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí 10.524.000đ (mười triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000752 ngày 05/11/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

4. Trường hợp xét "quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại